TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2023/DS-ST
Ngày: 06 -02-2023.
"V/v tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 và ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông **Phạm Văn O**, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 254, khóm , phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Bà **Phạm Thị Y** (YL) (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 253, Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà **Phạm Thị Tá** (B) (vắng mặt)

2. Ông **Trịnh Văn L** (Tâm) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà **Phạm Thị T (Ch) (**chết)

Địa chỉ: số 251, Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trong*** (Chong):

3.1 Ông **Ngô Văn L** (có mặt)

3.2 Ông **Ngô Văn Kh** (vắng mặt)

3.3 Bà **Ngô Thị X** (vắng mặt)

Bà Xuân ủy quyền cho ông Phạm Văn O theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2022

3.4 Ông **Ngô Văn T** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm Vĩnh T, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông **Phạm Văn T** (vắng mặt)

Địa chỉ: số 18, Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông **Phạm Văn C** (vắng mặt)

Địa chỉ: số 63, khóm Vĩnh S, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà **Phạm Thị H** (vắng mặt)

Địa chỉ: số 02, khóm Vĩnh T, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bà **Phạm Thị Thu N** (vắng mặt)

Địa chỉ: số 40, Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ông T, C, bà N, Bà Hủy quyền cho ông Phạm Văn O theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019

8. Bà **Phạm Thị T** (vắng mặt)

Địa chỉ số 142 khóm Vĩnh T, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Bà T ủy quyền cho ông Đặng Hồng Ph theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2022

9. Bà **Phạm Thị N** (vắng mặt)

Địa chỉ: số 161, khóm 3, phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

10. Bà **Phạm Thị Thu Đ** (vắng mặt)

Địa chỉ: số 31, Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Ng, Đ ủy quyền cho ông Ph theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2022

11. Bà **Phạm Thị R** (có mặt)

12. Ông **Đặng Hồng P** (có mặt)

13. Anh **Đặng Hồng Đ** (vắng mặt)

14. Chị **Đặng Hồng M** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 254, Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

15. Bà **Lê Thị U (Ú)** (có mặt)

Địa chỉ: số 11, khóm Vĩnh T, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn ông Phạm Văn O trình bày:

Cha ông tên Phạm Văn S chết năm 1973, mẹ ông tên Lê Thị Mt (chết năm 2001), sống chung có tất cả 12 người con: Phạm Thị Tr (chết), Phạm Thị T, Phạm Văn T, Phạm Thị N, Phạm Văn C, Phạm Thị H, Phạm Thị Thu N, Phạm Thị Thu Đông, Phạm Thị R, Phạm Văn O, Phạm Thị Y (Yến Lớn), Phạm Thị Y Nhỏ (chết năm 1996, có chồng là Đặng Hồng Ph và 02 đứa con là Đặng Hồng Đ và Đặng Hồng M). Trong đó bà T là con riêng của cha ông, bà Phạm Thị T là con riêng của mẹ ông (bà M). Sinh thời cha mẹ ông có được thửa đất số 75 do mẹ ông bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cha mẹ chết không để lại di chúc nên phần đất này hiện nay có 3 người đang quản lý sử dụng: Ông, bàị Y Lớn và bà Phạm Thị R, ông P đang quản lý sử dụng. Do anh em không thỏa thuận được việc phân chia thửa đất này nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia thừa kế phần đất thửa 75, diện tích theo đo đạc thực tế chia đều cho các anh em, ông yêu cầu nhận đất để có chỗ ở. Phần của anh em nhận đất cho lại ông thì ông đồng ý nhận phần anh chị em cho phần lại cho ông.

- Bị đơn bà Phạm Thị Y Lớn trình bày tại biên bản lấy khai ngày 02/01/2019, ngày 01/4/2022:

Bà thống nhất việc cha mẹ sống chung có những người anh chị em như ông O trình bày, khi cha mẹ chết không để lại di chúc.

Phần đất thửa 75 bà đang ở là do cha mẹ cho bà ở, trước đây anh em đã thống nhất thỏa thuận chia phần đất này ra làm 03 phần, bà một phần ngang 4,2m chạy dài thẳng xuống sông; ông O một phần ngang 4,4mét và bà R phần còn lại chiều dài thẳng xuống sông, các anh em đã thống nhất chia xong hết rồi nhưng ông O dành phần dưới mé sông trước nhà bà chỉ cho bà phần đất chính giữa nên bà không thống nhất. Bà thống nhất thỏa thuận trước đây là phần đất thửa 75 chia làm 03 phần, bà một phần, bà R một phần, ông O một phần. Bà yêu cầu được chia phần đất hiện tại đang cất nhà ở phần chiều ngang như đo đạc, chiều dài từ mé lộ chạy vô 50 mét, phần dưới mé sông yêu cầu được tạm quản lý sử dụng khi nào Nhà nước cần thì bà giao trả cho Nhà nước. Phần tiền cất nhà là của bà bỏ ra 50.000.000 đồng, còn lại của vợ chồng Lý, Tá bỏ ra cất nhà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H, Phạm Thị T, Phạm Thị Thu N, Phạm Văn T, Phạm Văn C trình bày tại biên bản lấy khai ngày 06/3/2019:

Phần đất thửa 75 là của cha là Phạm Văn S chết năm 1973 mẹ Lê Thị M chết năm 2001để lại. Cha mẹ sống chung có tất cả 12 người con, khi cha mẹ chết không để lại di chúc, trước khi mẹ chết thì sống với bà R. Phần đất thửa 75 là của cha mẹ để lại hiện nay em gái Phạm Thị Y Lớn và em rể Đặng Hồng P cất nhà ở. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông O yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật là thửa đất 75, diện tích 870m^2. Về phần các ông, bà chia cho ông, bà thì ông, bà nhận đất và cho phần được hưởng lại cho ông Phạm Văn O để ông O cất nhà ở.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn L trình bày tại biên bản lấy khai ngày 29/01/2021:

Ông về sống trên phần đất tranh chấp từ năm 1999 khi đó bà ngoại (bà M) vẫn còn sống. Nguồn tiền cất nhà là của vợ chồng ông bỏ ra cất là khoảng 230.000.000 đồng, cất cách nay khoảng 7 năm, chưa kể các vật dụng trong nhà.

Nguồn gốc đất cất nhà là của bà ngoại vợ cho mẹ vợ ông, lúc trước là mẹ vợ ông ở dưới mé sông do nước ngập nên bà ngoại vợ kêu lên phần đất hiện tại để cất nhà ở nên vợ chồng ông bỏ tiền ra cất nhà chứ lúc trước là nhà cũ. Việc cho đất không có làm giấy tờ gì, cho ở chứ không cho sang bán.

Theo yêu cầu của ông O thì ông yêu cầu chia phần đất này làm 03 phần là ông O một phần, bà R một phần, bài Y Lớn một phần. Nếu ông O đồng ý để phần nhà dài xuống mé sông thì ông đồng ý. Ông thống nhất với giá mà cơ quan chuyên môn đã định giá. Nếu như chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì ai lấy đất thì trả lại tiền cho vợ chồng ông khoản 300.000.000 đồng – 400.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T (B) trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện gia đình bà đang cất nhà ở là của bà ngoại để lại cho mẹ bà để cất nhà ở nên bà yêu cầu ổn định phần đất này cho mẹ bà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hồng P trình bày tại biên bản lấy khai ngày 20/11/2021 và tại phiên tòa hôm nay:

Ông về sống với bà R từ năm 1990 có 01 đứa con là Nhân. Số con của bà Một, ông Sen theo như ông O nêu là đúng. Trước đây anh em bên vợ ông có thỏa thuận là phần đất thửa 75 chia làm 03 phần nhưng bà Y L không chịu ký tên. Nay ông cũng thống nhất phần đất thửa 75 chia làm 03 phần chạy thẳng xuống sông. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu chia theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa ông cũng đồng ý nếu như chia thừa kế nếu như vợ chồng ông nhận đất không đủ diện tích buộc phải di dời nhà ông cũng đồng ý và không có yêu cầu gì về phần nhà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị R trình bày tại biên bản lấy khai ngày 20/11/2021 và tại phiên tòa hôm nay:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông O về phần cha mẹ, các anh chị em. Phần đất thửa 75 là của cha mẹ chết để lại hiện do 03 người đang quản lý sử dụng: vợ chồng bà, ông O, bài Y Lớn, diện tích theo như đoàn đo đạc đã đo. Cha mẹ chết không để lại di chúc. Nếu như chia phần đất thửa 75 làm 03 phần bà cũng đồng ý phần ai đang quản lý sử dụng thì được hưởng chạy thẳng xuống sông nhưng đã nhiều lần thương lượng nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay bà cũng đồng ý chia thừa kế phần thửa đất 75 chia đều cho các anh chị em nếu phần bà được chia đất không đủ như diện tích bà đã cất nhà trên đất thì bà đồng ý di dời nhà mà không yêu cầu gì về giá trị nhà. Phần của chị em cho bà thì bà đồng ý nhận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tới trình bày tại biên bản lấy khai ngày 03/02/2022:

Bà với ông O là chị em theo tờ khai tông tri của ông O cung cấp Tòa án đọc cho bà nghe là đúng, các anh chị em theo như ông O khai là đúng. Phần đất thửa 75 cũ của bà Một, ông Sen chết để lại là đúng, khi cha mẹ chết thì phần đất này chưa lập di chúc cho ai, nhưng trước đây anh em có họp gia tộc phân chia phần đất này và làm thủ tục để tách bằng khoán nhưng do không biết lý do gì bài Y Lớn không chịu ký tên. Ông O yêu cầu chia thừa kế thì tùy ông O. Nếu chia theo pháp luật thì phần bà được nhận bà giao lại cho bà R. Theo như thỏa thuận phần đất này chia làm 03 người ông O, Rớt, Yến Lớn bà cũng đồng ý.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngó trình bày tại biên bản lấy khai ngày 24/11/2021:

Ông Một và bà Sen sống chung có tất cả những người con theo như ông O trình bày trong đơn khởi kiện là đúng, phần đất thửa 75 cũ (15, 83, 88) là của cha mẹ bà để lại là đúng. Khi cha mẹ chết không có để lại di chúc, phần của bài Y Lớn trước đây là ở dưới mé sông sau đó anh em thống nhất để phần đất bài Y Lớn cất nhà ở cho bài Y Lớn thì ông Lý là rể bài Y Lớn không chịu mà đòi luôn phần dưới mé sông kéo dài đến nay tranh chấp nữa. Theo như thỏa thuận chia phần đất này cho 03 người bà cũng đồng ý, còn trường hợp chia theo quy định của pháp luật thì phần bà được hưởng bà cho lại cho bà Phạm Thị R và bà R chịu án phí theo quy định vì bà cao tuổi.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu Đông trình bày tại biên bản lấy khai ngày 21/12/2021:

Theo như ông O trình bày về số con của ông Sen, bà Một là đúng, phần thửa đất 75 (15, 83, 88) đúng là của ông Sen, bà Một để lại. Theo yêu cầu khởi kiện của ông O yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật bà cũng đồng ý, phần bà được nhận thì bà cho lại bà Phạm Thị R và bà R chịu án phí theo quy định. Theo như ý kiến của các bên yêu cầu chia phần đất này ra làm 03 phần: ông O 01 phần, bà R 01 phần và bài Y Lớn 01 phần từ phía trên chạy thẳng xuống mé sông bà cũng đồng ý. Bà đồng ý theo thỏa thuận ai sử dụng trên bờ thì sử dụng luôn phần dưới mé sông, thỏa thuận như thế nào do 03 người đó quyết định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị (Út) Uốt thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Phạm Văn O.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với đương sự vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo quy định của pháp luật phần đất thửa 75 của ông Phạm Văn O thì thấy rằng Cụ S và Cụ M khi còn sống có tạo lập thửa đất 75 (15, 83, 88), tờ bản đồ số 2 (48), tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Khi hai Cụ chết không để lại di chúc phân chia di sản cho ai vì vậy việc ông O yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất nêu trên cho các anh chị em của ông O là phù hợp có căn cứ. Như vậy, phần diện tích đất thửa 75 theo đo đạc thực tế 811,4m^2 được chia đều cho những người con của cụ Một, cụ Sen. Đối với bà Phạm Thị T, Phạm Thị N, Phạm Thị Thu Đ cho phần được hưởng lại cho bà Phạm Thị R như vậy phần của bà Phạm Thị R được hưởng luôn phần của bà Đông, bà T, bà N. Đối với phần của ông Phạm Văn T, Phạm Văn C, Phạm Thị H, Phạm Thị Tr cho lại ông Phạm Văn O thì ông Phạm Văn O được hưởng luôn phần của bà T, bà H, bà N, ông C, ông T. Đối với phần bà Phạm Thị Y Lớn có phần căn nhà cất trên phần đất tranh chấp, phần căn nhà có diện tích lớn hơn phần diện tích đất bà được hưởng nhưng do hiện nay các bên đều xác định bài Y Lớn ngoài phần căn nhà này không có chỗ ở nào khác như vậy cần ổn định phần diện tích bài Y Lớn đã cất nhà và xây dựng các công trình phụ trên đất cho bài Y Lớn và bài Y Lớn có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn O phần giá trị phần diện tích đất ngoài phần diện tích bà được hưởng tương ứng với giá trị đất chênh lệch tính theo giá thị trường.

Do phần đất bà R, ông P, chị M, anh Đ được nhận lớn hơn phần diện tích đang quản lý sử dụng và xây dựng nhà và phần diện tích đất này hiện ông O đang quản lý sử dụng nên giao phần này cho ông O để tiện cho việc sử dụng và đăng ký quyền sử dụng đất và ông O có trách nhiệm trả lại cho bà R, ông P, chị M, anh Đ giá trị đất tính theo giá thị trường.

Đối với phần căn nhà của bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P cất trên phần đất tranh chấp các bên không yêu cầu và do không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Đối với phần căn nhà và công trình xây dựng, cây trồng trên đất bài Y Lớn được nhận phần thừa kế có tổng giá trị là 256.136.700 đồng, trong đó có phần của bài Y Lớn là 50.000.000 đồng, còn lại là của vợ chồng ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị T cùng bỏ ra xây cất cho nên bài Y Lớn có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị T số tiền là 206.136.800đồng.

Phần đất bờ kè tạm giao cho các thừa kế theo hiện trạng thực tế những người được chia theo hiện trạng sử dụng thực tế.

Về án phí và chi phí tố tụng: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Phạm Thị Y L, Trịnh Văn L, Phạm Thị T, Phạm Thị T, Phạm Văn T, Phạm Văn C, Phạm Phạm Thị Thu N, Phạm Thị H, Phạm Thị Thu Đ, Phạm Thị N, Đặng Hồng Đ, Đặng Hồng M, Ngô Văn Tr, Ngô Văn Kh, Ngô Thị X. Ông Phạm Văn T, Phạm Văn C, Phạm Thị Thu N, Phạm Thị Thu H, Ngô Thị X ủy quyền cho ông Phạm Văn O; bà Phạm Thị N, Phạm Thị T, Phạm Thị Thu Đ ủy quyền cho ông Đặng Hồng P; ông Ngô Văn T, Ngô Văn K có yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người vắng mặt nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn O yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất theo pháp luật đối với thửa đất số 75 (15, 83, 88), tờ bản đồ số 02 (48), tổng diện diện tích theo đo đạc thực tế là 811,4m^2, đất tọa lạc tại Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng chia đều cho các anh chị em của ông, ông yêu cầu nhận đất và phần cây trồng trên đất. Hội đồng xét xử nhận thấy: Sinh thời cụ Phạm Văn S (chết năm 1973) và cụ Lê Thị M (chết năm 2001), sống chung có tất cả 12 người con: Phạm Thị T (Ch), Phạm Thị T, Phạm Văn Tg, Phạm Thị N, Phạm Văn C, Phạm Thị H, Phạm Thị Thu N, Phạm Thị Thu Đ, Phạm Thị R, Phạm Văn O, Phạm Thị Y, Phạm Thị Y Nhỏ (chết năm 1996 có chồng là Đặng Hồng P và 02 đứa con là Đặng Hồng Đ và Đặng Hồng M). Trong đó bà Tg là con riêng của cụ S, bà Phạm Thị T là con riêng của cụ M. Khi còn sống hai cụ có tạo lập được phần đất tại thửa 75 (15,83,88), diện tích theo đo đạc thực tế là 811,4m^2, tờ bản đồ số 02 (48), tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, phần đất hiện do cụ Lê Thị Một đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất thì do ông Phạm Văn O, bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P và bà Phạm Thị Y (YL), ông Trịnh Văn L (T), bà Phạm Thị T (B quản lý sử dụng. Khi cụ M và cụ S chết không để lại di chúc để phân chia phần đất này cho ai. Việc này phía các đương sự đều thừa nhận đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, theo bài Y cũng như ông L, bà T cho rằng phần đất bài Y L đang cất nhà ở và phần phía sau cũng như phần còn lại dưới mé sông là của bà M cho khi còn sống đã cho bài Y Lớn nên bà yêu cầu ổn định toàn bộ diện tích này cho bà. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày ra không có căn cứ gì chứng minh việc bà Một cho bà toàn bộ diện tích đất như bài Y Lớn, ông Lý, bà T trình bày, vì thực tế hiện nay phần đất này Cụ M vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, xem như toàn bộ diện tích đất thửa 75 (15, 83, 88) là di sản của cụ S, cụ M chết để lại chưa chia. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 609, 610, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự thì phần diện tích đất cụ Một chết để lại phải được chia đều cho các con của cụ M và cụ S mỗi người nhận một phần bằng nhau. Cụ thể: diện tích đất theo đo đạc thực tế 811,4m^2 chia cho Phạm Thị Tg (C), Phạm Thị T, Phạm Văn T, Phạm Thị N, Phạm Văn C, Phạm Thị H, Phạm Thị Thu N, Phạm Thị Thu Đ, Phạm Thị R, Phạm Văn O, Phạm Thị Y (YL), Phạm Thị Y Nhỏ. Do bà T, bài Y Nhỏ đã chết nên những người thừa kế của bà T là: Ngô Văn Tr, Ngô Văn K, Ngô Văn L, Ngô

Thị X được nhận phần thừa kế của bà Tr. Tại phiên tòa ông L là con của bà Tr đại diện cho các con của bà Tr cũng thống nhất để phần của bà Tr lại cho ông O. Đối với phần của bà Phạm Thị Y Nhỏ cũng đã chết nên các thừa kế của bài Y Nhỏ là ông Đặng Hồng P, Đặng Hồng Đ và Đặng Hồng M được nhận phần thừa kế của bài Y Nhỏ. Lẽ ra, trong trường hợp này những người con của Cụ S và Cụ M mỗi người được nhận phần thừa kế tương ứng với diện tích đất là 67,61m^2 (811,4m^2 : 12). Do phía bà Phạm Thị T, Phạm Thị N, Phạm Thị Thu Đ cho phần được hưởng lại cho bà Phạm Thị R như vậy phần của bà Phạm Thị R được chia tổng diện tích đất là 270,44m^2 (đã bao gồm phần của bà R). Do đại diện các con của bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Thị H, Phạm Thị Thu N cho phần được hưởng lại cho ông Phạm Văn O, như vậy ông O được nhận tổng diện tích đất là 405,66m^2 (đã bao gồm phần của ông O và lộ giới), ông Đặng Hồng P, chị Đặng Hồng M, Đặng Hồng Đ được nhận thừa kế phần của bài Y Nhỏ tương ứng với diện tích là 67,61m^2. Do hiện nay trên phần đất tranh chấp bà R, ông P và chị M, anh Đ đã cất nhà ở nên bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P, Đặng Hồng M, Đặng Hồng Đ được nhận thừa kế tổng diện tích đất là 338,05m^2 (bao gồm lộ giới), theo hiện trạng sử dụng đất thực tế thì trên phần đất tranh chấp bà R và ông Đi đã xây dựng căn nhà trên đất với tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 269,7m^2 (đã bao gồm lộ giới), như vậy phần Rớt và ông P, chị My, anh Đại nhận nhiều hơn diện tích đang quản lý sử dụng thực tế và phần đất thừa so với hiện trạng thực tế hiện do ông Phạm Văn O quản lý sử dụng. Vì vậy, để đảm bảo diện tích đất cho các bên thuận tiện trong việc sử dụng và đăng ký quyền sử dụng đất về sau vì hiện nay đất sử dụng thực tế đã đo đạc chính quy và tách thửa nên giao phần đất này cho phía ông Phạm Văn O, ông O có trách nhiệm trả giá trị diện tích đất 40,55m^2 (đã trừ diện tích lộ giới 27,8m^2) cho bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P, Đặng Hồng My, Đặng Hồng Đại với số tiền là (40,55m^2 x 1.373.989 đồng/1m^2) = 55.715.253 đồng (làm tròn số là 55.715.250 đồng). Bà Phạm Thị Y được hưởng phần diện tích đất là 67,61m^2. Tuy nhiên, trên phần đất này hiện nay có căn nhà và công trình xây dựng khác trên đất của bà Phạm Thị Y, ông Trịnh Văn L, bà Phạm Thị T với tổng diện tích là 185,2m^2 trong đó có phần diện tích lộ giới là 28,1m^2 và tại phiên tòa các đương sự có mặt đều xác định bài Y Lớn hiện nay không có chỗ ở khác, vì vậy, cần ổn định diện tích bài Y Lớn đã cất nhà ở, và phần công trình phụ đã xây dựng trên đất có trên diện tích đất theo đo đạc thực tế cho bài Y có chỗ ở. Do phần đất ổn định cho bài Y Lớn cất nhà ở có một phần ông O được nhận thừa kế nên phía bài Y Lớn có trách nhiệm hoàn trả giá trị đất cho ông Phạm Văn O với số tiền 122.958.275 đồng (làm tròn số là 122.958.300 đồng tương ứng với diện tích đất là 89,49m^2 x 1.373.989 đồng/m^2 (đã trừ lộ giới). Như vậy, tại phiên tòa hôm nay việc nguyên đơn ông Phạm Văn O yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật thửa đất 75 (15, 83, 88), tờ bản đồ số 2 (25) tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng là phù hợp có căn cứ chấp nhận nên phần diện tích đất thửa 75 (15, 83, 88) được chia như sau:

- Chia cho bà Phạm Thị Y (Yến Lớn) được hưởng phần diện tích đất là 185,2m^2, trong đó đã bao gồm diện tích lộ giới, thửa 75 (15), tờ bản đố 02 (48). Phần đất có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 75 (83) có số đo 36,82 mét

+ Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Đây có số đo 36,78 mét

+ Hướng Nam giáp phần đất còn lại thửa 75 (15) có số đo 4,2 mét

+ Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Trung Trực có số đo 4,37 mét

- Chia cho ông Phạm Văn O được hưởng phần diện tích đất là 356,5m^2, thửa 75 (83), trong đó đã bao gồm diện tích lộ giới, tờ bản đồ 02 (48). Phần đất có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 75 (88) có số đo 58,29 mét

+ Hướng Tây giáp thửa 75 (15) có số đo 20,87 + 36,82 mét

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Đây có số đo 8,1 mét

+ Hướng Bắc giáp thửa 75 (15) và đường Nguyễn Trung Trực có số đo 4,2 mét + 4,40 mét

- Chia cho bà Phạm Thị R, Đặng Hồng P, Đặng Hồng M, Đặng Hồng Đ diện tích đất là 269,7m^2, trong đó bao gồm diện tích lộ giới thửa 75 (88), tờ bản đố 02 (48). Phần đất có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn Sữa có số đo 30,64 + 27,97 mét

+ Hướng Tây giáp thửa 75 (83) có số đo 58,29 mét

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Đây có số đo 4,05 mét.

+ Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Trung Trực có số đo 4,40 mét.

Phần đất được chia đều tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc bà Phạm Thị Y Lớn có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn O giá trị đất với số tiền là 122.958.300 đồng. (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm đồng).

- Buộc ông Phạm Văn O trả cho bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P, Đặng Hồng My, Đặng Hồng Đại giá trị đất với số tiền là 55.715.250 đồng (Năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng)

- Buộc ông Phạm Văn O giao nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 613482 cấp ngày 25/3/1994 cấp cho bà Lê Thị Một đứng tên đối với thửa đất số 75 (15, 83, 88), tờ bản đồ số 2 (25), tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc thực tế ngày 20/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã Năm)

Phần cây trồng và công trình xây dựng trên phần đất ai được chia thì giao người đó quản lý sử dụng.

- Riêng đối với phần căn nhà và công trình xây dựng trên phần đất bà Phạm Thị Y Lớn được chia thì theo ông Trịnh Văn L xác định phần căn nhà này có phần của bài Y Lớn là 50.000.000 đồng bỏ ra cùng với nguồn tiền của vợ chồng ông để cất nhà. Tại biên bản lấy khai ngày 29/01/2021 ông Lý có yêu cầu "nếu chia thừa kế theo quy định thì ai lấy đất thì trả tiền lại cho vợ chồng tôi khoảng 300 đến 400 triệu đồng. Theo kết quả định giá thì giá trị còn lại của căn nhà và tài sản trên đất với tổng giá trị là 256.136.768 đồng, trong đó phần bài Y Lớn có bỏ tiền ra cùng cất nhà với số tiền là 50.000.000 đồng. Như vậy, bài Y Lớn sở hữu căn nhà và công trình xây dựng trên đất thì có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông Trịnh Văn L, bà Phạm Thị T giá trị căn nhà và công trình xây dựng trên đất với số tiền làm tròn số là 206.136.800 đồng (256.136.768 đồng – 50.000.000 đồng).

- Đối với phần căn nhà của bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P cũng thuộc phần được chia, các bên không yêu cầu và không phát sinh tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

- Đối với phần diện tích đất đã xây dựng bờ kè Kênh xáng Ngã Năm tạm giao cho các thừa kế được chia để quản lý sử dụng theo hiện trạng sử dụng thực tế phần diện tích chiều ngang trên lộ, dài tới mí bờ kè.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nghĩ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P, Đặng Hồng M, Đặng Hồng Đ cùng chịu án phí trên số tiền tương đương với kỷ phần được nhận là: 269,7m^2 x 1. 373.989 đồng x 5% = 18.528.241 đồng (làm tròn số 18.528.200 đồng) tiền án phí; ông Phạm Văn O phải chịu án phí trên số tiền tương đương với phần được nhận là: 356,6m^2 x 1. 373.989 đồng x 5% = 24.498.223 đồng (làm tròn số 24.498.200 đồng); bà Phạm Thị Y Lớn chịu là: 185,2m^2 x 1.373.989 đồng x 5% = 12.723.138 đồng (làm tròn số 12.723.100 đồng) theo điểm a khoản 7 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí của ông Phạm Văn O được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.460.000 đồng theo biên lai thu số 0005120 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy ông O còn phải nộp 23.038.200 đồng.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá: 11.553.006 đồng. Bài Y Lớn chịu 1.050.230 đồng; Bà R, ông P, chị M, anh Đ chịu 5.251.156 đồng (làm tròn số 5.251.000đồng); ông O Chịu 5.251.620 đồng. Do ông O đã nộp tạm ứng trước số tiền này nên bà R, ông P, chị M, anh Đ cùng có trách nhiệm trả lại cho ông O số tiền 5.251.000đồng; bài Y Lớn trả lại cho ông O số tiền 1.050.230 đồng (làm

tròn số 1.050.200 đồng). Phần ông O tự chịu là 5.251.620 đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều Điều 609, 610, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng khoản 2 Điều 13; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn O về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Lê Thị M, Phạm Văn S chết để lại.

Xác định thửa đất số 75 (15,83,88), diện tích 811,4m^2 đã bao gồm phần lộ giới, tờ bản đồ số 02 (48), tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng là phần di sản của cụ Lê Thị M, Phạm Văn S chết để lại chưa chia.

- Chia cho bà Phạm Thị Y (Yến Lớn) được hưởng phần diện tích đất là 185,2m^2, trong đó đã bao gồm diện tích lộ giới, thửa 75 (15), tờ bản đố 02 (48). Phần đất có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 75 (83) có số đo 36,82 mét

+ Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Đây có số đo 36,78 mét

+ Hướng Nam giáp phần đất còn lại thửa 75 (15) có số đo 4,2 mét

+ Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Trung Trực có số đo 4,37 mét

- Chia cho ông Phạm Văn O được hưởng phần diện tích đất là 356,5m^2, thửa 75 (83), trong đó đã bao gồm diện tích lộ giới, tờ bản đố 02 (48). Phần đất có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 75 (88) có số đo 58,29 mét

+ Hướng Tây giáp thửa 75 (15) có số đo 20,87 + 36,82 mét

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Đây có số đo 8,1 mét

+ Hướng Bắc giáp thửa 75 (15) và đường Nguyễn Trung Trực có số đo 4,2 mét + 4,40 mét

- Chia cho bà Phạm Thị R, Đặng Hồng P, Đặng Thị My, Đặng Hồng Đại được hưởng diện tích đất là 269,7m^2, trong đó bao gồm diện tích lộ giới thửa 75 (88), tờ bản đố 02 (48). Phần đất có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn Sữa có số đo 30,64 + 27,97 mét

+ Hướng Tây giáp thửa 75 (83) có số đo 58,29 mét

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Đây có số đo 4,05 mét.

+ Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Trung Trực có số đo 4,40 mét.

Phần đất được chia đều tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc bà Phạm Thị Y Lớn có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn O giá trị đất với số tiền là 122.958.300 đồng. (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm đồng).

- Buộc ông Phạm Văn O trả cho bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P, Đặng Hồng M, Đặng Hồng Đ giá trị đất với số tiền là 55.715.250 đồng (Năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, hai trăm năm mươi đồng)

- Buộc ông Phạm Văn O giao nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 613482 cấp ngày 25/3/1994 do bà Lê Thị Một đứng tên đối với thửa đất số 75 (15, 83, 88), tờ bản đồ số 2 (48), tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Phần cây trồng và công trình xây dựng trên phần đất ai được chia thì giao người đó quản lý sử dụng.

- Tạm giao cho các thừa kế được chia quản lý sử dụng phần diện tích đất bờ kè tương ứng với phần đất chiều ngang phía trên lộ, chiều dài tới mí bờ kè.

- Giao cho bà Phạm Thị Y quản lý, sử dụng phần căn nhà và công trình xây dựng, cây trồng trên phần đất bà Phạm Thị Y Lớn được chia. Bài Y có trách nhiệm trả lại cho ông Trịnh Văn L, bà Phạm Thị T giá trị căn nhà và công trình xây dựng trên đất với số tiền là 206.136.700 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

- Đối với phần căn nhà của bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P các bên không yêu cầu và không phát sinh tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

(Kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc thực tế ngày 20/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã Năm)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị R, ông Đặng Hồng P, Đặng Hồng My, Đặng Hồng Đại cùng chịu án phí 18.528.200 đồng; ông Phạm Văn O phải chịu án phí là 24.498.200 đồng; bà Phạm Thị Y chịu là 12.723.100 đồng tiền án phí theo điểm a khoản 7 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí của ông Phạm Văn O được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.460.000 đồng theo biên lai thu số 0005120 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy ông O còn phải nộp 23.038.200 đồng.

3/ Về chi phí thẩm định, định giá: 11.553.006 đồng. Bài Y Lớn chịu 1.050.230 đồng; Bà R, ông P, chị M, anh Đ chịu 5.251.156 đồng (làm tròn số 5.251.000đồng); ông O Chịu 5.251.620 đồng. Do ông O đã nộp tạm ứng trước số tiền này nên bà R, ông P, chị M, anh Đ cùng có trách nhiệm trả lại cho ông O số tiền 5.251.000đồng; bài Y Lớn trả lại cho ông O số tiền 1.050.230 đồng (làm tròn số 1.050.200 đồng). Phần ông O tự chịu là 5.251.620 đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh